CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=HUYỆN NHÀ BÈ, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302536580
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.14 13:36:36+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

TP. Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	9 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08/6/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành lập Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302536580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2002, đăng ký thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 20 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/5/2026 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết tắt: PENJICO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302536580 thay đổi lần thứ 20 ngày 27/5/2026 là 50.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã giao dịch: PEN. Cổ phiếu của Công ty đang thuộc diện bị cảnh báo theo Quyết định số 312/QĐ-SGDHN ngày 02/4/2026 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 38, xã Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Đào Quốc Hưng	Thành viên
Ông Trương Đăng Cảnh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng ban
Ông Ngô Hồng Phi	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Minh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Võ Văn Huy	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 19/5/2026), Quyền Giám đốc (từ ngày 29/4/2026 đến ngày 18/5/2026)
	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/4/2026)
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/4/2026)
Ông Dương Minh Trí	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phượng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0302536580 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Director

Vo Van Huy

Võ Văn Huy
Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2026

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 192/2026/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex được lập ngày 13/8/2026, từ trang 05 đến trang 52, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Bùi Thị Thúy
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN		MS	TM	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+160)**	**100**		**295.465.737.064**	**308.202.702.282**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**7.173.996.156**	**16.137.453.405**
1.	Tiền	111		7.173.996.156	16.137.453.405
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**5.2**	**15.645.139.150**	**13.023.814.800**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	5.2a	14.293.764.900	13.898.064.900
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2a	(1.898.625.750)	(1.624.250.100)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2b	3.250.000.000	750.000.000
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**194.636.799.711**	**223.894.758.299**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	118.218.482.364	137.323.120.501
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.396.254.918	11.363.417.330
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	93.390.380.719	96.576.538.758
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(21.368.318.290)	(21.368.318.290)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**5.7**	**72.397.947.956**	**49.609.317.861**
1.	Hàng tồn kho	141		72.607.539.956	49.818.909.861
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(209.592.000)	(209.592.000)
VI.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**5.611.854.091**	**5.537.357.917**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8	247.111.454	269.607.593
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	162		2.620.065.355	2.970.630.939
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.17	994.677.282	1.497.119.385
4.	Tài sản ngắn hạn khác	165	5.9	1.750.000.000	800.000.000
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+270)**	**200**		**14.483.244.392**	**15.597.705.190**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**15.000.000**	**15.000.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	215	5.5	15.000.000	15.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**12.814.896.899**	**14.047.011.600**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	12.814.896.899	14.047.011.600
-	*Nguyên giá*	*222*		*88.247.320.215*	*88.586.173.275*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(75.432.423.316)*	*(74.539.161.675)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
-	*Nguyên giá*	*228*		*1.025.754.049*	*1.025.754.049*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(1.025.754.049)*	*(1.025.754.049)*
IV.	**Bất động sản đầu tư**	**240**	**5.12**	-	-
1.	Nguyên giá	241		252.156.600	252.156.600
2.	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(252.156.600)	(252.156.600)
V.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**250**	**5.13**	**199.599.673**	**199.599.673**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		199.599.673	199.599.673
VI.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**260**	**5.2**	-	-
2.	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	262	5.2c	400.000.000	400.000.000
3.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	5.2c	(400.000.000)	(400.000.000)
VII.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**1.453.747.820**	**1.336.093.917**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8	1.453.747.820	1.336.093.917
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)		**280**		309.948.981.456	323.800.407.472

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

	NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
C -	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)**	**300**		**254.474.350.643**	**264.330.229.223**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**220.561.086.222**	**241.409.586.341**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	33.568.295.212	46.393.518.633
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	84.702.543.140	76.836.450.817
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.16	7.267.500	7.267.500
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.17	1.273.516.617	1.395.621.904
5.	Phải trả người lao động	315		3.827.617.754	1.662.478.941
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.18	1.906.026.142	4.481.003.273
7.	Phải trả ngắn hạn khác	320	5.19	6.806.619.737	9.985.495.257
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.20	86.225.490.246	98.182.640.142
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	130.000.000
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.243.709.874	2.335.109.874
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**33.913.264.421**	**22.920.642.882**
1.	Phải trả dài hạn khác	338	5.19	50.000.000	50.000.000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.20	33.863.264.421	22.870.642.882
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**5.21**	**55.474.630.813**	**59.470.178.249**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*50.000.000.000*	*50.000.000.000*
2.	Thặng dư vốn	412		13.258.140.000	13.258.140.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		16.767.234.195	16.767.234.195
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(24.550.743.382)	(20.555.195.946)
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*(20.555.195.946)*	*(22.306.070.574)*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*(3.995.547.436)*	*1.750.874.628*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		**440**		**309.948.981.456**	**323.800.407.472**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Hồng Dân	Hoàng Trần Như Quỳnh	Võ Văn Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**6.1**	**141.019.238.684**	**106.668.334.855**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)**	**10**		**141.019.238.684**	**106.668.334.855**
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	127.586.811.727	93.966.246.056
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**13.432.426.957**	**12.702.088.799**
6.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	121.333.265	727.251.940
8.	Chi phí tài chính	23	6.4	7.074.346.563	3.697.662.915
	Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*5.767.313.357*	*3.154.604.670*
9.	Chi phí bán hàng	25	6.5	36.051.782	79.131.800
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10.084.860.689	8.240.963.174
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+(22-23)-(25+26)+27}**	**30**		**(3.641.498.812)**	**1.411.582.850**
12.	Thu nhập khác	31	6.6	146.947.315	121.322.945
13.	Chi phí khác	32	6.7	500.995.939	586.421.813
14.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**(354.048.624)**	**(465.098.868)**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**(3.995.547.436)**	**946.483.982**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**(3.995.547.436)**	**946.483.982**
19.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**6.10**	**(799)**	**189**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Hồng Dân	Hoàng Trần Như Quỳnh	Võ Văn Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***(3.995.547.436)***	***946.483.982***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***				
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.232.114.701	1.605.968.184
	- Các khoản dự phòng	03		144.375.650	516.398.300
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(70.547)	979.108
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(164.819.001)	(192.699.684)
	- Chi phí đi vay	06		5.767.313.357	3.154.604.670
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***2.983.366.724***	***6.031.734.560***
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.160.966.275	22.777.062.213
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.788.630.095)	(37.814.928.114)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.755.926.331)	(20.267.062.775)
	- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(95.157.764)	2.394.483
	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(395.700.000)	(9.114.865.000)
	- Chi phí đi vay đã trả	14		(5.681.337.249)	(3.154.604.670)
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(91.400.000)	(78.078.728)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(5.663.818.440)***	***(41.618.348.031)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(1.334.823.793)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		46.363.636	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.500.000.000)	-
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		118.455.365	636.573.987
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(2.335.180.999)**	**(698.249.806)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ đi vay	33		163.623.689.103	118.573.394.355
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(164.588.217.460)	(82.167.421.204)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(964.528.357)**	**36.405.973.151**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(8.963.527.796)**	**(5.910.624.686)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**16.137.453.405**	**15.432.467.054**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		70.547	(979.108)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**7.173.996.156**	**9.520.863.260**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Hồng Dân	Hoàng Trần Như Quỳnh	Võ Văn Huy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex được thành lập theo Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08/6/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành lập Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302536580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2002, đăng ký thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 20 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/5/2026 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết tắt: PENJICO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302536580 thay đổi lần thứ 20 ngày 27/5/2026 là 50.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã giao dịch: PEN. Cổ phiếu của Công ty đang thuộc diện bị cảnh báo theo Quyết định số 312/QĐ-SGDHN ngày 02/4/2026 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 38, xã Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 145 người (tại ngày 31/12/2025 là 155 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu Xây lắp các đường dây và trạm biến điện đến 35KV Xây lắp dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường Xây dựng công trình bờ kè, bến cảng Xây lắp bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu Xây lắp các công trình dầu khí Xây dựng các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, các bồn chứa dầu thực vật Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: công trình cấp thoát nước, xử lý rác thải, chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh Xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: công trình thủy lợi, công trình lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng Xây dựng nhà máy điện, trạm phát điện, lưới điện Thi công xây dựng thiết bị: các công trình hóa dầu, hóa chất; kho xăng, dầu, khí hóa lỏng công nghiệp và chung cư; cửa hàng xăng dầu; tuyến ống xăng dầu, khí hóa lỏng; công trình luyện kim, cơ khí chế tạo, công trình năng lượng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp vật liệu xây dựng, kho chứa vật tư; công trình tự động điều khiển; công trình chiếu sáng đô thị; hệ thống an toàn phòng chống cháy nổ; công trình xử lý chất thải, công trình cấp thoát nước; công trình nông nghiệp thủy lợi.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng cơ sở Cho thuê kho bãi, nhà xưởng Cho thuê văn phòng, nhà ở Quản lý tòa nhà.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho các công trình điện hạ thế và chiếu sáng công cộng Bán buôn thiết bị phục vụ cho hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ bao gồm thi công xây lắp, và cung cấp vật tư, hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có Công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Xây lắp Thương mại Điện máy Thăng Long	Tp. Hồ Chí Minh	44,44%	44,44%	44,44%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/6/2026 như sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại Cần Thơ - Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex	Tp. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex tại Tp. Đà Nẵng	Tp. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex tại thành phố Hà Nội	Tp. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex	Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex - Xưởng cơ khí Bà Hom	Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy gia công cơ khí Nhà Bè	Tp. Hồ Chí Minh

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và được trình bày theo số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các công cụ tài chính được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh hoặc được phân loại là chứng khoán kinh doanh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư Công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh: dự phòng giảm giá được xác định căn cứ vào chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý của chứng khoán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đầu tư vào đơn vị khác: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Giá trị tổn thất được xác định theo quy định kế toán hiện hành phù hợp với bản chất của từng khoản đầu tư.

Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bản quyền bằng sáng chế và phần mềm máy vi tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo thơi gian hữu dụng ước tính, trong vòng 05 năm.

Thuê tài sản

Thuê hoạt động (Công ty là bên đi thuê)

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê hoạt động (Công ty là bên cho thuê)

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là nhà do Công ty nắm giữ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, trong vòng 15 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí chờ phân bổ khác có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được phân bổ với thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác (không bao gồm phải trả cổ tức, lợi nhuận) được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua. Việc chi trả số cổ tức này được thực hiện khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Dịch vụ chưa có hóa đơn: trích trước căn cứ vào báo giá, hợp đồng có liên quan.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành công trình xây lắp mà Công ty là nhà thầu.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ Ngân hàng và các cá nhân.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê hoạt động, và doanh thu hợp đồng xây dựng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp tổng hợp giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Giám đốc cho rằng rủi ro và tỷ lệ sinh lời của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang thực hiện, do vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Tiền mặt	250.743.034	159.781.312
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	6.923.253.122	15.977.672.093
Cộng	**7.173.996.156**	**16.137.453.405**

(i) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn như sau:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - CN Sài Gòn	1.390.222.132	4.617.624.570
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - CN Hà Nội	11.181.918	2.699.246.648
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - CN Đà Nẵng	1.096.123.457	897.069.051
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Quận 2	1.539.839.996	2.630.387.315
Tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng và tổ chức khác	2.885.885.619	5.133.344.509
Cộng	**6.923.253.122**	**15.977.672.093**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng
Cổ phiếu	**14.293.764.900**		**(1.898.625.750)**	**13.898.064.900**		**(1.624.250.100)**
Các cổ phiếu được giao dịch trên sàn chứng khoán	***13.953.482.000***	***12.247.926.770***	***(1.713.342.850)***	***13.557.782.000***	***12.127.614.680***	***(1.438.967.200)***
Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Mã giao dịch: PVD)	222.930.000	151.536.000	(71.394.000)	222.930.000	130.977.000	(91.953.000)
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu VIPCO (Mã giao dịch: VIP)	81.800.000	23.691.150	(58.108.850)	81.800.000	27.925.800	(53.874.200)
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (Mã giao dịch: VTO)	52.412.000	55.030.500	-	52.412.000	59.747.400	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (Mã giao dịch: PIT)	73.500.000	78.669.120	-	73.500.000	74.964.480	-
Ngân hàng TMCP Á Châu (Mã giao dịch: ACB)				9.367.140.000	8.304.000.000	(1.063.140.000)
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Vietcap (Mã giao dịch: VCI)				3.760.000.000	3.530.000.000	(230.000.000)
Công ty Cổ phần Chứng Khoán SSI (Mã giao dịch: SSI)	5.179.000.000	4.815.000.000	(364.000.000)			
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Mã giao dịch: VNM)	8.343.840.000	7.124.000.000	(1.219.840.000)			
Các cổ phiếu chưa niêm yết hoặc chưa được giao dịch trên sàn chứng khoán	***340.282.900***		***(185.282.900)***	***340.282.900***		***(185.282.900)***
Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An	59.000.000	(i)	-	59.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương	96.000.000	(i)	-	96.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng 41	185.282.900	(i)	(185.282.900)	185.282.900	(i)	(185.282.900)
Cộng	**14.293.764.900**		**(1.898.625.750)**	**13.898.064.900**		**(1.624.250.100)**

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty niêm yết tại ngày 30/6/2026 được xác định bằng số cổ phiếu Công ty nắm giữ nhân với giá đóng cửa của các cổ phiếu này trên thị trường chứng khoán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu không niêm yết do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn việc này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	**3.250.000.000**	**3.250.000.000**	**-**	**750.000.000**	**750.000.000**	**-**
Tiền gửi có kỳ hạn	***3.250.000.000***	***3.250.000.000***	***-***	***750.000.000***	***750.000.000***	***-***
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Quận 2 (i)	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - CN Sài Gòn (ii)	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-	-
Cộng	**3.250.000.000**	**3.250.000.000**	**-**	**750.000.000**	**750.000.000**	**-**

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất áp dụng là 4,5%/năm. Số tiền gửi có kỳ hạn này được thế chấp để đảm bảo cho việc cấp tín dụng, chi tiết tại Thuyết minh số 5.20.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất áp dụng là 6,8%/năm. Số tiền gửi có kỳ hạn này được thế chấp để đảm bảo cho việc cấp tín dụng, chi tiết tại Thuyết minh số 5.20.

c. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Tỷ lệ		30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết			**400.000.000**	**-**	**(400.000.000)**	**400.000.000**	**-**	**(400.000.000)**
Công ty TNHH Xây lắp Thương mại Điện máy Thăng Long	44,4%	44,4%	400.000.000	-	(400.000.000)	400.000.000	-	(400.000.000)
Cộng			**400.000.000**	**-**	**(400.000.000)**	**400.000.000**	**-**	**(400.000.000)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH TTCL Việt Nam	16.017.887.243	-	17.016.338.500	-
Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển	-	-	10.689.485	-
Công ty Cổ phần Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ	44.828.549.029	-	34.525.910.252	-
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam (i)	6.784.886.169	-	6.784.886.169	-
Đối tượng khác	50.587.159.923	(20.585.089.547)	78.985.296.095	(20.585.089.547)
Cộng	**118.218.482.364**	**(20.585.089.547)**	**137.323.120.501**	**(20.585.089.547)**
Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	***2.705.538.138***	-	***4.614.563.078***	-

(i) Trong đó, khoản phải thu Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam với số dư tại ngày 30/6/2026 là 6.784.886.169 VND (tại ngày 01/01/2026: 6.784.886.169 VND) liên quan đến vụ kiện mà Công ty là Bên Nguyên đơn, chi tiết tại Thuyết minh 7.1.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tank Works Ltd	260.336.350	-	260.336.350	-
Công ty TNHH Thương mại Đồng Tân	-	-	1.225.372.677	-
Công ty TNHH Trí Đức Lộc	-	-	973.600.000	-
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Hải Đăng	-	-	943.253.100	-
Chi nhánh Miền Nam - Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	441.782.832	-	-	-
Công ty TNHH Exion Việt Nam	720.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	2.974.135.736	(40.716.000)	7.960.855.203	(40.716.000)
Cộng	**4.396.254.918**	**(40.716.000)**	**11.363.417.330**	**(40.716.000)**
Trong đó, trả trước cho người ban là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	***238.466.305***	-	***168.295.968***	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	**93.390.380.719**	**(742.512.743)**	**96.576.538.758**	**(742.512.743)**
Phải thu của người lao động (i)	6.589.925.142	-	6.321.984.290	-
Ký cược, ký quỹ	67.027.449.416	-	66.658.237.842	-
+ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam (ii)	*64.303.000.000*	-	*64.303.000.000*	-
+ Các khoản ký cược khác	*2.724.449.416*	-	*2.355.237.842*	-
Phải thu khác	19.773.006.161	(742.512.743)	23.596.316.626	(742.512.743)
+ Ông Trần Ngọc Hải và Bà Nguyễn Thị Phượng (iii)	*18.493.840.000*	-	*18.493.840.000*	-
+ Tiền bán chứng khoán chờ về tài khoản Công ty	-	-	*3.606.500.000*	-
+ Phải thu khác còn lại	*1.279.166.161*	*(742.512.743)*	*1.495.976.626*	*(742.512.743)*
b) Dài hạn	**15.000.000**	-	**15.000.000**	-
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
Cộng	**93.405.380.719**	**(742.512.743)**	**96.591.538.758**	**(742.512.743)**
Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	*18.994.439.899*	-	*18.994.439.899*	-

(i) Phải thu của người lao động chủ yếu bao gồm các khoản tạm ứng cho nhân viên của Công ty thực hiện các công việc theo sự phân công hoặc ủy quyền của Công ty và được quy định trong quy chế tài chính của Công ty.

(ii) Trong đó, khoản ký quỹ để thực hiện Hợp đồng với Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam với số dư tại ngày 30/6/2026 là 64.303.000.000 VND (tại ngày 01/01/2026: 64.303.000.000 VND) liên quan đến vụ kiện mà Công ty là Bên Nguyên đơn, chi tiết tại Thuyết minh 7.1.

(iii) Theo Văn bản thỏa thuận ngày 27/9/2022, đây là khoản Công ty phải thu Ông Trần Ngọc Hải và Bà Nguyễn Thị Phượng về việc ủy quyền đứng tên và tìm đối tác chuyển nhượng các quyền sử dụng đất tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, mà Công ty nhận được sau khi tất toán và thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/XL3-HĐ ngày 28/02/2022 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu về việc đầu tư dự án "Trung tâm thương mại dịch vụ Logistics tại khu vực Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Đồng Nai".

Đồng thời, các Quyền sử dụng đất chưa được chuyển nhượng tính đến ngày 30/6/2026 được sử dụng là tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Sài Gòn, chi tiết tại Thuyết minh số 5.20.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Nợ xấu

	30/6/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (+)	Dự phòng (-)	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (+)	Dự phòng (-)
Các khoản phải thu khách hàng		**34.091.279.954**	**13.506.190.407**	**(20.585.089.547)**		**35.089.731.211**	**14.504.641.664**	**(20.585.089.547)**
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân	Trên 3 năm	2.460.007.505	-	(2.460.007.505)	Trên 3 năm	2.460.007.505	-	(2.460.007.505)
Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu	Trên 3 năm	3.090.292.841	-	(3.090.292.841)	Trên 3 năm	3.090.292.841	-	(3.090.292.841)
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	Trên 3 năm	6.784.886.169	-	(6.784.886.169)	Trên 3 năm	6.784.886.169	-	(6.784.886.169)
Công ty TNHH Green Royal Việt Nam	Từ 1 năm đến 2 năm	33.744.284	16.872.142	(16.872.142)	Từ 1 năm đến 2 năm	33.744.284	16.872.142	(16.872.142)
Công ty TNHH TTCL Việt Nam	Từ 1 năm đến 3 năm và trên 3 năm	16.017.887.243	12.534.193.154	(3.483.694.089)	Từ trên 6 tháng đến 3 năm và trên 3 năm	17.016.338.500	13.532.644.411	(3.483.694.089)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	5.704.461.912	955.125.111	(4.749.336.801)	Trên 3 năm	5.704.461.912	955.125.111	(4.749.336.801)
Trả trước cho người bán		**40.716.000**	-	**(40.716.000)**		**40.716.000**	-	**(40.716.000)**
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	40.716.000	-	(40.716.000)	Trên 3 năm	40.716.000	-	(40.716.000)
Phải thu khác		**742.512.743**	-	**(742.512.743)**		**742.512.743**	-	**(742.512.743)**
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	742.512.743	-	(742.512.743)	Trên 3 năm	742.512.743	-	(742.512.743)
Tổng		**34.874.508.697**	**13.506.190.407**	**(21.368.318.290)**		**35.872.959.954**	**14.504.641.664**	**(21.368.318.290)**

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.973.362.508	(209.592.000)	5.055.011.724	(209.592.000)
Công cụ, dụng cụ	462.860.510	-	452.872.258	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	66.380.541.795	-	43.915.480.964	-
Sản phẩm	242.989.390	-	253.318.416	-
Hàng hóa	547.785.753	-	142.226.499	-
Cộng	**72.607.539.956**	**(209.592.000)**	**49.818.909.861**	**(209.592.000)**

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công trình kho chứa kho cảng nhiên liệu hàng không Nam Đình Vũ	13.429.045.476	-	27.576.285.906	-
Cung cấp và Xây lắp Bồn chứa dạng nón inox	5.670.735.180	-	6.163.001.704	-
Công trình bể chứa xăng dầu kho K662	10.273.133.761	-	26.289.453	-
Các công trình khác	37.007.627.378	-	10.149.903.901	-
Cộng	**66.380.541.795**	-	**43.915.480.964**	-

5.8 Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**247.111.454**	**269.607.593**
Chi phí chờ phân bổ khác	247.111.454	269.607.593
Dài hạn	**1.453.747.820**	**1.336.093.917**
Chi phí sửa chữa tài sản	304.720.410	502.479.698
Công cụ, dụng cụ	465.981.191	608.382.077
Chi phí dịch vụ phần mềm máy tính	210.484.503	183.969.996
Chi phí phần mềm	451.377.093	-
Chi phí chờ phân bổ khác	21.184.623	41.262.146
Cộng	**1.700.859.274**	**1.605.701.510**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Các khoản tương đương tiền thế chấp để phát hành bảo lãnh ngân hàng (i)	1.750.000.000	800.000.000
Cộng	**1.750.000.000**	**800.000.000**

(i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Phú Nhuận, với lãi suất áp dụng là 4,3% đến 4,75%/năm. Số tiền gửi có kỳ hạn này được thế chấp để đảm bảo cho việc cấp tín dụng cho Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Phú Nhuận, chi tiết tại Thuyết minh số 5.20.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2026	**28.416.787.174**	**47.162.376.529**	**12.257.781.347**	**749.228.225**	**88.586.173.275**
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(338.853.060)	-	(338.853.060)
Số dư tại ngày 30/06/2026	**28.416.787.174**	**47.162.376.529**	**11.918.928.287**	**749.228.225**	**88.247.320.215**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2026	**16.689.160.979**	**46.013.061.068**	**11.087.711.403**	**749.228.225**	**74.539.161.675**
Khấu hao trong kỳ	638.158.781	258.885.474	335.070.446	-	1.232.114.701
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(338.853.060)	-	(338.853.060)
Số dư tại ngày 30/06/2026	**17.327.319.760**	**46.271.946.542**	**11.083.928.789**	**749.228.225**	**75.432.423.316**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại ngày 01/01/2026	**11.727.626.195**	**1.149.315.461**	**1.170.069.944**	**-**	**14.047.011.600**
Số dư tại ngày 30/06/2026	**11.089.467.414**	**890.429.987**	**834.999.498**	**-**	**12.814.896.899**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 57.510.286.038 VND (tại ngày 01/01/2026: 53.538.618.567 VND).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thế chấp để đảm bảo cho việc cấp tín dụng của Ngân hàng tại ngày 30/6/2026 là 3.570.770.548 VND (tại ngày 01/01/2026: 3.600.927.235 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Các tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có tỷ lệ giá trị từ 10% trên tổng tài sản cố định hữu hình như sau:

		30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
Mô tả tài sản	**Phân loại**	**Nguyên giá**	**Giá trị hao mòn lũy kế**	**Giá trị còn lại**	**Nguyên giá**	**Giá trị hao mòn lũy kế**	**Giá trị còn lại**
Hệ thống kích thủy lực	Máy móc, thiết bị	8.965.400.203	8.965.400.203	-	8.965.400.203	8.965.400.203	-
Cộng		**8.965.400.203**	**8.965.400.203**	**-**	**8.965.400.203**	**8.965.400.203**	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2026	**504.134.000**	**521.620.049**	**1.025.754.049**
Số dư tại ngày 30/06/2026	**504.134.000**	**521.620.049**	**1.025.754.049**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2026	**504.134.000**	**521.620.049**	**1.025.754.049**
Số dư tại ngày 30/06/2026	**504.134.000**	**521.620.049**	**1.025.754.049**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày 01/01/2026	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2026	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 1.025.754.049 VND (tại ngày 01/01/2026: 1.025.754.049 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Các tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có tỷ lệ giá trị từ 10% trên tổng tài sản cố định hữu hình như sau:

		30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
Tên tài sản	**Phân loại**	**Nguyên giá**	**Giá trị hao mòn lũy kế**	**Giá trị còn lại**	**Nguyên giá**	**Giá trị hao mòn lũy kế**	**Giá trị còn lại**
Bản quyền sử dụng phần mềm	Bản quyền bằng sáng chế	504.134.000	504.134.000	-	504.134.000	504.134.000	-
Phần mềm ERP	Phần mềm máy tính	417.144.000	417.144.000	-	417.144.000	417.144.000	-
Cộng		**921.278.000**	**921.278.000**	**-**	**921.278.000**	**921.278.000**	**-**

5.12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	01/01/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Nguyên giá	**252.156.600**	-	-	**252.156.600**
- Nhà	252.156.600	-	-	252.156.600
Giá trị hao mòn lũy kế	**252.156.600**	-	-	**252.156.600**
- Nhà	252.156.600	-	-	252.156.600
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-

Bất động sản đầu tư của Công ty là công trình nhà tại phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động. Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư này để đảm bảo cho khoản vay, chi tiết tại Thuyết minh số 5.20.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 60.000.000 VND và 986.372 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp tổng hợp giữa niên độ.

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Di dời, tháo dỡ các hạng mục của Nhà máy Cơ khí Nhà Bè	199.599.673	-	199.599.673	-
Cộng	**199.599.673**	-	**199.599.673**	-

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH Thương mại Phú Đức	-	2.974.184.136
Công ty TNHH Thương mại Đồng Tân	3.124.557.324	-
Đối tượng khác	30.443.737.888	43.419.334.497
Cộng	**33.568.295.212**	**46.393.518.633**
Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	***1.961.204.432***	***768.904.530***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.15 Người mua trả tiền trước

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Miền Nam (i)	64.500.000.000	64.500.000.000
Tập đoàn JFE Engineering	612.320.000	4.944.120.000
Các đối tượng khác	19.590.223.140	7.392.330.817
Cộng	**84.702.543.140**	**76.836.450.817**

(i) Khoản người mua trả tiền trước liên quan đến vụ kiện mà Công ty là Bên Nguyên đơn, chi tiết tại Thuyết minh số 7.1.

5.16 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận (i)	7.267.500	7.267.500

(i) Số cổ tức từ các năm trở về trước phải trả cho cổ đông sở hữu cổ phiếu chưa lưu ký.

5.17 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước ngắn hạn

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
a) Phải nộp	**1.395.621.904**	**11.800.932.010**	**11.923.037.297**	**1.273.516.617**
Thuế giá trị gia tăng	1.076.092.349	731.418.578	1.346.939.137	460.571.790
Thuế xuất nhập khẩu	-	47.155.613	47.155.613	-
Thuế thu nhập cá nhân	319.529.555	188.719.968	345.069.987	163.179.536
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	10.833.637.851	10.183.872.560	649.765.291
b) Phải thu	**1.497.119.385**	**502.442.103**	**-**	**994.677.282**
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	993.286.090	-	-	993.286.090
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.391.192	-	-	1.391.192
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	502.442.103	502.442.103	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Trích trước chi phí liên quan đến công trình	777.136.393	3.352.113.524
Trích trước tiền thuê nhà tại số 232 Nguyễn Tất Thành, phường Vĩnh Hội, thành phố Hồ Chí Minh (i)	1.128.889.749	1.128.889.749
Cộng	**1.906.026.142**	**4.481.003.273**

(i) Đây là khoản trích trước tiền thuê nhà tại số 232 Nguyễn Tất Thành, phường Vĩnh Hội, thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ Quý 4 năm 2015 đến Quý 4 năm 2018. Trong giai đoạn này, căn nhà nêu trên được bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh quản lý. Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty chưa nhận được thông báo chính thức của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về số tiền phải thực trả cho việc thuê nhà trong giai đoạn từ Quý 4 năm 2015 đến Quý 4 năm 2018.

5.19 Phải trả khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**6.806.619.737**	**9.985.495.257**
Kinh phí công đoàn	478.626.328	431.298.186
Bảo hiểm xã hội	188.913.549	87.255.596
Bảo hiểm y tế	32.763.907	16.556.902
Bảo hiểm thất nghiệp	14.444.410	5.248.670
Nhận ký quỹ, ký cược (i)	898.790.400	839.135.400
Phải trả các cá nhân làm việc tại Công ty về tiền ứng tại các công trình	4.256.381.327	8.356.168.687
Lãi vay phải trả	163.454.959	77.478.851
Phải trả phải nộp khác	773.244.857	172.352.965
Dài hạn	**50.000.000**	**50.000.000**
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
Cộng	**6.856.619.737**	**10.035.495.257**
Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	***109.130.170***	***50.148.369***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Các khoản vay

	30/6/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	01/01/2026 VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**86.225.490.246**	**144.109.771.874**	**156.066.921.770**	**98.182.640.142**
a1) Vay ngắn hạn	*83.725.490.250*	*141.609.771.878*	*156.066.921.770*	*98.182.640.142*
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Sài Gòn (i)	60.341.249.786	57.080.852.633	84.053.102.783	87.313.499.936
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Quận 2 (ii)	7.416.326.013	14.549.353.241	7.133.027.228	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (iii)	2.100.314.048	52.557.488.994	53.582.524.437	3.125.349.491
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Phú Nhuận (iv)	3.478.578.687	3.478.578.687	5.923.790.715	5.923.790.715
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (v)	2.039.521.716	5.593.998.323	4.354.476.607	800.000.000
Các khoản vay cá nhân (vi)	8.349.500.000	8.349.500.000	1.020.000.000	1.020.000.000
a2) Vay dài hạn đến hạn trả	*2.499.999.996*	*2.499.999.996*	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Quận 2 (vii)	2.499.999.996	2.499.999.996	-	-
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**33.863.264.421**	**22.013.917.225**	**11.021.295.686**	**22.870.642.882**
b1) Vay dài hạn	*33.863.264.421*	*22.013.917.225*	*11.021.295.686*	*22.870.642.882*
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Quận 2 (vii)	7.500.000.004	10.000.000.000	2.499.999.996	-
Các khoản vay cá nhân (vi)	26.363.264.417	12.013.917.225	8.521.295.690	22.870.642.882
Cộng	**120.088.754.667**	**166.123.689.099**	**167.088.217.456**	**121.053.283.024**
Trong đó, vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	*15.754.210.950*	-	*12.683.607.340*	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Các khoản vay (Tiếp theo)

(i) Hợp đồng hạn mức tín dụng số VN0010107.164/25/DN ngày 24/10/2025 với Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Sài Gòn với các thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	:	250.000.000.000 VND, trong đó hạn mức vay vốn tối đa là 100.000.000.000 VND;
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng	:	12 tháng, từ ngày 24/10/2025 đến ngày 24/10/2026;
Thời hạn của từng khoản vay	:	Không quá 9 tháng;
Lãi suất cho vay	:	Thỏa thuận theo từng khế ước nhận nợ;
Tài sản đảm bảo	:	Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bởi Ông Trần Ngọc Hải và bà Nguyễn Thị Phượng; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bởi Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex; quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế.

(ii) Hợp đồng cấp tín dụng số 21/2026/HDTD/DSG ngày 24/3/2026 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Quận 2 ("TP Bank Đông Sài Gòn") với các thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	:	180.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 80.000.000.000 VND;
Mục đích vay	:	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại, xây dựng và lắp đặt thiết bị chuyên dụng và hoàn thiện công trình xây dựng chuyên dụng; xây dựng các kho xăng dầu và công trình chứa nhiên liệu hàng không, xăng dầu
Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng	:	12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng;
Thời hạn của từng khoản vay	:	Không quá 9 tháng;
Lãi suất cho vay	:	Thỏa thuận theo từng khế ước nhận nợ;
Tài sản đảm bảo	:	Tiền gửi có kỳ hạn tại TP Bank Đông Sài Gòn; quyền đòi nợ hình thành từ phương án do TP Bank Đông Sài Gòn cấp tín dụng.

(iii) Khoản vay ký quỹ với Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI để thực hiện đầu tư chứng khoán. Hạn mức tín dụng được cấp theo giá trị chứng khoán mà Công ty sử dụng khoản vay để đầu tư, lãi suất áp dụng là 12%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Các khoản vay (Tiếp theo)

(iv) Hợp đồng cấp tín dụng số 342478.25.226.600289.TD ngày 23/10/2025 với Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Phú Nhuận ("MB Phú Nhuận") với các thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	:	80.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND;
Mục đích vay	:	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp;
Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng	:	Kể từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 24/9/2026;
Thời hạn của từng khoản vay	:	Không quá 09 tháng;
Lãi suất cho vay	:	Chi tiết tại Văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân và thỏa thuận chung, Hợp đồng cấp tín dụng;
Tài sản đảm bảo	:	Hàng hóa đã, đang và sẽ hình thành theo phương án được MB Phú Nhuận cấp tín dụng luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh; quyền đòi nợ đã, đang và sẽ hình thành từ phương án được MB Phú Nhuận tài trợ; quyền và lợi ích phát sinh từ Hợp đồng phát sinh quyền đòi nợ và tài khoản thế chấp; tiền gửi có kỳ hạn mở tại MB Phú Nhuận.

(v) Hợp đồng cấp tín dụng số 112-00050621.19761/2025/HĐTD ngày 13/10/2025 với Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn với các thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	:	30.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 10.000.000.000 VND;
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;
Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng	:	Đến hết ngày 12/10/2028;
Thời hạn của từng khoản vay	:	Không quá 06 tháng;
Lãi suất cho vay	:	Chi tiết tại Giấy nhận nợ/Khế ước nhận nợ;
Tài sản đảm bảo	:	Thế chấp quyền đòi nợ từ Hợp đồng xây dựng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Các khoản vay (Tiếp theo)

(vi) Các khoản vay cá nhân là cán bộ công nhân viên trong Công ty. Mục đích vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Thông tin chi tiết như sau:

Đối tượng cho vay	Dư nợ gốc tại ngày 30/6/2026 (VND)		Số và ngày hợp đồng vay	Lãi suất vay 1 năm	Kỳ hạn (tháng)	Điều khoản tái tục
	Nợ ngắn hạn	Nợ dài hạn				
Bà Triệu Thị Lan Anh	-	124.837.703	070923/CN/XL3-HĐ ngày 07/9/2023	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Ông Đinh Xuân Đông	-	350.000.000	211025/HDV-EDDX01 ngày 21/10/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Bùi Thị Ngân Hà	-	2.505.750.479	281024/HDV-EHBN01 ngày 28/10/2024	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Ông Cung Quang Hà	-	220.621.317	01032024/HDVNT-EHCQ01 ngày 01/03/2024	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Vũ Thanh Hương	-	736.876.142	050525/HDV-EHVT02 ngày 05/5/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Bùi Thị Thanh Mai	-	36.244.260	23122022 ngày 23/12/2022	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Ông Huỳnh Minh Phước	-	100.000.000	271233/HDV ngày 27/12/2023	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Ông Bùi Văn Tiến	-	2.150.000.000	20022024/HDV ngày 20/02/2024	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Lê Thị Thủy	-	235.373.990	04102022 ngày 14/10/2022	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Nguyễn Thu Thủy	7.700.000.000	1.620.000.000	161025/HDV-KH000504 ngày 17/10/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Nguyễn Thị Bé	-	4.092.000.000	120925/HDV-KH000533 ngày 12/09/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Lê Thị Thùy Linh	-	529.927.722	311025/HDV-KH001952 ngày 31/10/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Nguyễn Lê Minh Anh	-	437.166.502	030625/HDV-KH002115 ngày 03/6/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Nguyễn Lê Hoài Trân	-	99.945.631	311225/HDV-KH003508 ngày 31/12/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Nguyễn Lê Trúc Anh	-	251.896.285	311225/HDV-KH003521 ngày 31/12/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Phan Thị Đào	-	450.000.000	250825/HDV-KH003413 ngày 25/08/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Triệu Thị Lan Anh	-	337.381.348	160925/HDV-KH003420 ngày 16/09/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Võ Phương Trinh	-	2.970.700	290925/HDV-KH003430 ngày 29/09/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Đào Kim Thi	-	3.000.000.000	52/XL3-HDVV ngày 29/07/2025	11%	48 tháng	Không tái tục khi hết hạn
Bà Cung Hà Linh	-	1.300.000.000	161025-01/HDV-KH003444 ngày 16/10/2025	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Các khoản vay (Tiếp theo)

Đối tượng cho vay	Dư nợ gốc tại ngày 30/6/2026 (VND) Nợ ngắn hạn	Nợ dài hạn	Số và ngày hợp đồng vay	Lãi suất vay 1 năm	Kỳ hạn (tháng)	Điều khoản tái tục
Bà Cung Hà Linh	-	5.000.000.000	161025-02/HDV-KH003447 ngày 16/10/2025	11%	48 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Phan Thị Vân	-	371.921.880	050126/HDV-KH003507 ngày 05/01/2026	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Ông Phan Văn Hùng	-	100.024.986	30062026/HDV-EHPV01 ngày 30/06/2026	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Ông Phạm Văn Long	-	490.163.425	190126/HDV-ELPV01 ngày 19/01/2026	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	-	1.387.074.959	130326/HDV_ETNN01 ngày 13/03/2026	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Ông Đinh Tấn Dũng	-	73.047.204	04052026/HDV-KH003570 ngày 04/05/2026	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Ông Huỳnh Đức	-	6.396.792	05052026/HDV-KH003571 ngày 05/05/2026	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Ông Phan Văn Bá Hải	-	202.103.344	20052026/HDV-KH003592 ngày 20/05/2026	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Trần Ngọc Phương	-	151.539.748	21052026/HDV-KH003597 ngày 21/05/2026	9,6%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Bùi Thị Yến	249.500.000	-	01.2026/HĐV-XL3 ngày 09/04/2026	7%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Bà Hoàng Thanh Giang	400.000.000	-	01.2026/HĐV-XL3 ngày 09/04/2026+02.2026/HĐV/XL3-LTL ngày 21/05/26	7%	13 tháng	Tự động tái tục khi hết hạn
Tổng	**8.349.500.000**	**26.363.264.417**				

(vii) Hợp đồng cho vay số 35/2026/HDTD/DSG ngày 17/4/2026 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Quận 2 (TP Bank Đông Sài Gòn") với các thông tin chi tiết như sau:

Số tiền vay	:	10.000.000.000 VND
Mục đích vay	:	Tài trợ thanh toán tiền sử dụng đất cho bất động sản tại thửa đất số 365/5 Tỉnh Lộ 10, phường An Lạc, Tp. Hồ Chí Minh
Thời hạn cho vay	:	48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên
Lãi suất cho vay	:	Chi tiết tại Giấy nhận nợ/Khế ước nhận nợ;
Tài sản đảm bảo	:	Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, Tp. Cần Thơ

5.21 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	**50.000.000.000**	**13.258.140.000**	**16.767.234.195**	**(22.306.070.574)**	**57.719.303.621**
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.750.874.628	1.750.874.628
Số dư tại ngày 01/01/2026	**50.000.000.000**	**13.258.140.000**	**16.767.234.195**	**(20.555.195.946)**	**59.470.178.249**
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(3.995.547.436)	(3.995.547.436)
Số dư tại ngày 30/06/2026	**50.000.000.000**	**13.258.140.000**	**16.767.234.195**	**(24.550.743.382)**	**55.474.630.813**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	35.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	**50.000.000.000**	**50.000.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**5.000.000**	**5.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**5.000.000**	**5.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**5.000.000**	**5.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.22 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ

a. Tài sản cầm cố, thế chấp

Mô tả tài sản	Khoản mục	Giá trị ghi sổ (VND)	Đối tượng nhận cầm cố thế chấp	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bởi Ông Trần Ngọc Hải và bà Nguyễn Thị Phượng	Phải thu ngắn hạn khác	18.493.840.000	PG Bank Sài Gòn *(Chi tiết tại Thuyết minh số 5.20)*	Cấp tín dụng	Theo thời hạn cấp tín dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc tại xưởng Cơ khí Bà Hom và văn phòng Công ty	Tài sản cố định hữu hình	3.570.770.548	PG Bank Sài Gòn *(Chi tiết tại Thuyết minh số 5.20)*	Cấp tín dụng	Theo thời hạn cấp tín dụng
Nhà tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	Bất động sản đầu tư	-	TP Bank Đông Sài Gòn *(Chi tiết tại Thuyết minh số 5.20)*	Cho vay	Theo thời hạn cho vay

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.22 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (Tiếp theo)

b. Ngoại tệ các loại

	30/06/2026	01/01/2026
Tiền USD	410,79	17.948,52
Giá trị tương đương VND	**10.724.084**	**470.305.070**

c. Tài sản thuê hoạt động

Tại ngày 30/6/2026, Công ty thuê hoạt động một số lô đất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các lô đất này có nguồn gốc từ Nhà nước cho thuê đất theo các Quyết định Giao đất của Ủy ban Nhân dân tỉnh/thành phố nơi đặt lô đất và Hợp đồng thuê đất có liên quan. Thông tin chi tiết các lô đất Công ty thuê hoạt động như sau:

- Lô đất đặt tại 356/6 Tỉnh lộ 10, phường Bình Trị Đông, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 14.147,9 m2, trong đó đối với diện tích 8.699 m2 thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 120, bộ địa chính phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh: cho thuê 50 năm kể từ ngày 01/01/2011; đối với diện tích 5.448,9 thuộc quy hoạch công viên cây xanh và đất thuộc vi phạm lộ giới hẻm dự phóng 12m (phía Nam khu đất) tạm thời cho thuê cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, phải chấp hành giải tỏa di dời theo quy định. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.
- Lô đất đặt tại số 20/9 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với diện tích là 221,4 m2. Thời hạn thuê: 20 năm kể từ ngày 04/6/2003 đến ngày 04/6/2023. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đang thực hiện thủ tục gia hạn thuê đất tại lô đất này theo quy định hiện hành.
- Lô đất đặt tại số 81 Lê Văn Hiến, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng với diện tích là 1.300 m2. Thời hạn thuê: kể từ ngày 31/12/2022 đến ngày 30/12/2027. Hình thức thuê đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.
- Lô đất đặt tại 16/8 Huỳnh Tấn Phát, xã Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích là 2.460,2 m2. Thời hạn thuê: 50 năm kể từ ngày Công ty đăng ký kinh doanh. Hình thức thuê đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.
- Lô đất đặt tại thửa 85 tờ số 6 địa chính xã Nhà Bè với diện tích là 5.119,7 m2. Trong đó, đối với diện tích 3.671,2 m2 được áp dụng thời hạn thuê đến hết ngày 01/01/2046; đối với 1.448,5 m2 phạm lộ giới tạm thời cho thuê cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, phải chấp hành giải tỏa di dời theo quy định. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.999.298.500	2.607.252.159
Doanh thu dịch vụ xây dựng	130.733.515.129	99.939.786.572
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.286.425.055	4.121.296.124
Cộng	**141.019.238.684**	**106.668.334.855**
Trong đó: Doanh thu là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	***2.159.105.150***	***2.483.919.332***

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 60.000.000 VND.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.227.685.077	2.358.918.500
Giá vốn của dịch vụ xây dựng	120.150.925.431	89.559.632.445
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (i)	2.208.201.219	2.047.695.111
Cộng	**127.586.811.727**	**93.966.246.056**

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 986.372 VND

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	53.450.265	39.043.987
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ	65.005.100	597.530.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.807.353	31.781.027
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	70.547	-
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	58.896.926
Cộng	**121.333.265**	**727.251.940**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí đi vay	5.767.313.357	3.154.604.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.595.215	1.679.945
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	274.375.650	541.378.300
Lỗ kinh doanh chứng khoán	1.022.062.341	-
Cộng	**7.074.346.563**	**3.697.662.915**
Trong đó, chi phí tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	***745.012.936***	***27.266.574***

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí bán hàng	**36.051.782**	**79.131.800**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	652.207	-
Chi phí bằng tiền khác	35.399.575	79.131.800
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**10.084.860.689**	**8.240.963.174**
Chi phí nhân viên quản lý	6.198.651.222	5.425.664.006
Chi phí vật liệu quản lý	229.791.434	169.714.314
Chi phí đồ dùng văn phòng	282.142.184	176.918.410
Chi phí khấu hao TSCĐ	195.851.426	255.889.434
Thuế phí và lệ phí	464.944.929	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.411.679.772	1.280.963.263
Chi phí bằng tiền khác	1.301.799.722	924.813.747
Cộng	**10.120.912.471**	**8.320.094.974**

6.6 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	46.363.636	-
Tiền phạt thu được	-	20.000.000
Thanh lý công cụ dụng cụ	85.467.273	78.749.682
Thu nhập khác	15.116.406	22.573.263
Cộng	**146.947.315**	**121.322.945**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.7 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	473.598.430	32.953.496
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	-	5.950.000
Giá trị còn lại của tài sản bị tháo dỡ	-	443.874.303
Chi phí khác	27.397.509	103.644.014
Cộng	**500.995.939**	**586.421.813**

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(3.995.547.436)**	**946.483.982**
Các khoản điều chỉnh tăng	***473.598.430***	***39.882.604***
+ Chi phí không được trừ	*473.598.430*	*38.903.496*
+ Lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ (tiền, nợ phải thu) có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	*979.108*
Các khoản điều chỉnh giảm	***(65.075.647)***	***(597.530.000)***
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(65.005.100)*	*(597.530.000)*
+ Lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ (tiền, nợ phải thu) có gốc ngoại tệ cuối kỳ	*(70.547)*	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**(3.587.024.653)**	**388.836.586**
Lỗ được kết chuyển	-	*(388.836.586)*
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	*20%*	*20%*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.195.963.870	64.391.685.243
Chi phí nhân công	24.876.646.986	26.546.947.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.232.114.701	1.605.968.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.839.842.553	16.572.513.378
Chi phí khác bằng tiền	2.423.173.196	4.199.362.304
Cộng	**95.567.741.306**	**113.316.476.533**

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**(3.995.547.436)**	**946.483.982**
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	**(3.995.547.436)**	**946.483.982**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**(799)**	**189**

Trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các vụ kiện

a. Vụ kiện Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam

Năm 2020, Công ty khởi kiện Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam ("Bên Bị đơn") tại Tòa Án nhân dân huyện Nhà Bè - thành phố Hồ Chí Minh do tranh chấp Hợp đồng xây dựng. Theo đó, Công ty yêu cầu Bên Bị đơn thanh toán phần hạng mục Công ty đã hoàn thành đối với gói thầu "Cung cấp thiết bị và thi công xây lắp công trình" thuộc dự án Kho xăng dầu hàng không Miền Nam tại xã Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Vụ kiện đã được xét xử qua các cấp sơ thẩm, phúc thẩm với quyết định của Tòa án nhân dân các cấp tuyên buộc Bên Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại cho Công ty số tiền tương ứng với giá trị hạng mục Công ty đã hoàn thành là 6.784.886.169 VND (Thuyết minh số 5.3) cùng tiền lãi chậm trả phát sinh. Theo điều khoản của Hợp đồng nêu trên, Công ty ký quỹ số tiền 64.303.000.000 VND cho Bên Bị đơn (Thuyết minh số 5.5) tương ứng với số tiền Bên Bị đơn ứng trước cho Công ty là 64.500.000.000 VND (Thuyết minh số 5.15).

Ngày 02/6/2021, Bên Bị đơn đã có đơn đề nghị Giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân cấp cao thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm để xét xử lại.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được phán quyết cuối cùng của Tòa án. Do vậy, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (có thể có) từ việc Giám đốc thẩm vụ án tranh chấp hợp đồng xây dựng với Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các vụ kiện (Tiếp theo)

b. Tranh chấp tiền thuê nhà với Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2022, Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh ("Bên Nguyên đơn") khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân Quận 4 - thành phố Hồ Chí Minh do tranh chấp tiền thuê tại địa điểm kinh doanh trước đây Công ty tại đường Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2015. Cụ thể, Bên Nguyên đơn cho rằng Công ty chưa thanh toán tiền thuê đầy đủ theo các thông báo tiền thuê và thay đổi tiền thuê nhà. Vụ kiện đã được xét xử qua các cấp sơ thẩm, phúc thẩm với quyết định của Tòa án nhân dân các cấp tuyên buộc Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền là 2.144.317.105 VND, trong đó bao gồm tiền chênh lệch giữa tiền thuê cũ và tiền thuê mới tổng giá trị là 2.120.032.137 VND; tiền phạt chậm trả là 24.284.968 VND.

Ngày 28/02/2023, Công ty đã gửi đơn đề nghị Giám đốc thẩm đến Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/6/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 16/2024/KDTM-GĐT, trong đó, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, Bản án phúc thẩm nêu trên và giao hồ sơ Vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo đúng quy định pháp luật. Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, quá trình xét xử Vụ án đang được tiến hành.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Công nghệ Trứng vàng	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp Dầu khí Việt Nhật - VNJP	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng Tâm Việt CKC	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Liên doanh Oval Việt Nam	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Thường trực Hội đồng Quản trị
Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Bé	Người có liên quan đến người nội bộ
Bà Đào Kim Thi	Người có liên quan đến người nội bộ
Bà Cung Hà Linh	Người có liên quan đến người nội bộ
Bà Lê Thị Thùy Linh	Người phụ trách quản trị Công ty
Ông Trần Ngọc Hải và Bà Nguyễn Thị Phượng	Người quản lý chủ chốt và người có liên quan đến người quản lý chủ chốt
Bà Trần Ngọc Phương	Người có liên quan đến người nội bộ
Ông Đinh Tấn Dũng	Người có liên quan đến người nội bộ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và người quản lý khác	Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.548.493.391	1.279.759.696

Thu nhập của từng thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch	212.300.000	247.100.000
Ông Nguyễn Hồng Kỳ	Thành viên	27.000.000	27.000.000
Ông Đào Quốc Hưng	Thành viên	27.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	27.000.000	27.000.000
Ông Trương Đăng Cảnh	Thành viên	27.000.000	27.000.000
Cộng		**320.300.000**	**355.100.000**

Thu nhập của từng thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng ban	102.950.000	121.268.185
Ông Ngô Hồng Phi	Thành viên	18.900.000	18.900.000
Bà Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	18.900.000	18.900.000
Cộng		**140.750.000**	**159.068.185**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Giám đốc (đến hết ngày 29/4/2026)	193.352.888	223.521.968
Ông Võ Văn Huy	Giám đốc (từ ngày 19/5/2026)	149.352.888	
Ông Trương Đăng Cảnh	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	127.703.603	
Ông Dương Minh Trí	Phó Giám đốc	188.188.383	167.415.565
Bà Nguyễn Thị Phượng	Phó Giám đốc	141.959.166	139.589.194
Bà Hoàng Trần Như Quỳnh	Kế toán trưởng	112.221.514	127.489.784
Ông Nguyễn Huy Nhân	Thư ký HĐQT	82.670.000	107.575.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	Người phụ trách quản trị Công ty	91.994.949	-
Cộng		**1.087.443.391**	**765.591.511**

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Mua hàng			**11.049.212.695**	**15.464.561.798**
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.529.963.346	-
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.605.519.859	12.640.800.473
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp Dầu khí Việt Nhật - VNJP	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa, dịch vụ	367.754.000	49.065.845
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng Tâm Việt CKC	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa, dịch vụ	4.150.900.490	2.774.695.480
Công ty TNHH Liên doanh Oval Việt Nam	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.395.075.000	-
Bán hàng			**2.159.105.150**	**2.483.919.332**
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	31.388.150	44.832.532
Công ty TNHH Liên doanh Oval Việt Nam	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	2.127.717.000	2.439.086.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí tài chính			**745.012.936**	**27.266.574**
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Lãi vay	13.387.209	11.288.224
Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng Ban Kiểm	Lãi vay	-	15.653.944
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Thường trực Hội đồng Quản trị	Lãi vay	39.026.272	324.406
Bà Lê Thị Thùy Linh	Người phụ trách quản trị Công ty	Lãi vay	24.780.479	-
Bà Đào Kim Thi	Người có liên quan đến người nội bộ	Lãi vay	163.643.835	-
Bà Cung Hà Linh	Người có liên quan đến người nội bộ	Lãi vay	332.703.560	-
Bà Nguyễn Thị Bé	Người có liên quan đến người nội bộ	Lãi vay	168.748.473	-
Bà Trần Ngọc Phương	Người có liên quan đến người nội bộ	Lãi vay	1.620.788	-
Ông Đinh Tấn Dũng	Người có liên quan đến người nội bộ	Lãi vay	1.102.320	-
Giao dịch nhận nợ gốc vay			**3.612.245.117**	**770.937.165**
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị		450.041.752	705.757.733
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Thường trực Hội đồng Quản trị		1.387.074.959	50.308.185
Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng Ban Kiểm soát		-	14.871.247
Bà Lê Thị Thùy Linh	Người phụ trách quản trị Công ty		23.541.454	
Bà Nguyễn Thị Bé	Người có liên quan đến người nội bộ		1.527.000.000	-
Bà Trần Ngọc Phương	Người có liên quan đến người nội bộ		151.539.748	-
Ông Đinh Tấn Dũng	Người có liên quan đến người nội bộ		73.047.204	-
Giao dịch thanh toán nợ gốc vay			**541.641.507**	**493.846.363**
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị		398.032.000	440.480.112
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Thường trực Hội đồng Quản trị		-	53.366.251
Bà Lê Thị Thùy Linh	Người phụ trách quản trị Công ty		143.609.507	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		**2.705.538.138**	**4.614.563.078**
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	1.603.542.517	4.427.826.211
Công ty TNHH Liên doanh Oval Việt Nam	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	1.101.995.621	186.736.867
Trả trước cho người bán ngắn hạn		**238.466.305**	**168.295.968**
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	-	168.295.968
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	238.466.305	-
Phải thu ngắn hạn khác		**18.994.439.899**	**18.994.439.899**
Ông Trần Ngọc Hải và Bà Nguyễn Thị Phượng	Người quản lý chủ chốt và người có liên quan đến người quản lý chủ chốt	18.493.840.000	18.493.840.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	Người phụ trách quản trị Công ty	500.599.899	500.599.899
Phải trả người bán ngắn hạn		**1.961.204.432**	**768.904.530**
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	-	85.012.907
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp Dầu khí Việt Nhật - VNJP	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	816.585.605	419.411.285
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng Tâm Việt CKC	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	736.319.427	215.558.498
Công ty TNHH Liên doanh Oval Việt Nam	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	408.299.400	48.921.840
Phải trả ngắn hạn khác		**109.130.170**	**50.148.369**
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Tổ chức liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	-	3.000.000
Bà Nguyễn Thị Bé	Người có liên quan đến người nội bộ	30.673.184	20.522.342
Bà Đào Kim Thi	Người có liên quan đến người nội bộ	25.767.124	26.626.027
Bà Cung Hà Linh	Người có liên quan đến người nội bộ	52.689.862	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Vay và nợ thuê tài chính		**15.754.210.950**	**12.683.607.340**
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	220.621.317	168.611.565
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Thường trực Hội đồng Quản trị	1.387.074.959	-
Bà Nguyễn Thị Bé	Người có liên quan đến người nội bộ	4.092.000.000	2.565.000.000
Bà Đào Kim Thi	Người có liên quan đến người nội bộ	3.000.000.000	3.000.000.000
Bà Cung Hà Linh	Người có liên quan đến người nội bộ	6.300.000.000	6.300.000.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	Người phụ trách quản trị Công ty	529.927.722	649.995.775
Bà Trần Ngọc Phương	Người có liên quan đến người nội bộ	151.539.748	-
Ông Đinh Tấn Dũng	Người có liên quan đến người nội bộ	73.047.204	-

7.3 Báo cáo bộ phận

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc đưa ra những quyết định quản lý của Công ty dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Mặt khác, rủi ro và tỷ suất sinh lời của các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty có sự khác biệt đáng kể và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong kỳ. Do vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh gồm: bán hàng hóa (vật liệu xây dựng, thiết bị, gas, hàng hóa khác); cung cấp dịch vụ; và hoạt động xây lắp. Mặt khác, tài sản và nợ phải trả của từng bộ phận không được Công ty trình bày do được dùng chung cho tất cả lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang thực hiện. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo các thị trường mà Công ty đang cung cấp dịch vụ bao gồm: Việt Nam, Campuchia.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 (VND)			
	Bán hàng hóa	Xây lắp	Cung cấp dịch vụ	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	5.999.298.500	130.733.515.129	4.286.425.055	141.019.238.684
Giá vốn hàng bán	5.227.685.077	120.150.925.431	2.208.201.219	127.586.811.727
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**771.613.423**	**10.582.589.698**	**2.078.223.836**	**13.432.426.957**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (VND)			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	2.607.252.159	99.939.786.572	4.121.296.124	106.668.334.855
Giá vốn hàng bán	2.358.918.500	89.559.632.445	2.047.695.111	93.966.246.056
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**248.333.659**	**10.380.154.127**	**2.073.601.013**	**12.702.088.799**

Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 (VND)		
	Việt Nam	Campuchia	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	138.451.452.886	2.567.785.798	141.019.238.684

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (VND)		
	Việt Nam	Campuchia	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	102.184.881.812	4.483.453.043	106.668.334.855

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.4 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được trình bày lại để phù hợp với Thông tư 99/2025/TT-BTC như sau:

	Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Tiền và các khoản tương đương tiền	**16.937.453.405**	**16.137.453.405**	**(800.000.000)**
Các khoản tương đương tiền	800.000.000	-	(800.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	**4.737.357.917**	**5.537.357.917**	**800.000.000**
Tài sản ngắn hạn khác	-	800.000.000	800.000.000
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ ngắn hạn			
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	7.267.500	7.267.500
Phải trả ngắn hạn khác	9.992.762.757	9.985.495.257	(7.267.500)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Hồng Dân	Hoàng Trần Như Quỳnh	Võ Văn Huy

Mẫu số 01-B

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III PETROLIMEX	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 46/XL3-CBTT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	TPHCM, ngày 14 tháng 08 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Xây Lắp III Petrolimex thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ đã được soát xét năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CP XÂY LẮP III PETROLIMEX**

- Mã chứng khoán: **PEN**
- Địa chỉ: 2286 Huỳnh Tấn Phát Ấp 38 Xã Nhà Bè TPHCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028 39404 602 Fax: 028 39404 606.
- Email: company@penjico.vn. Website: www.penjico.petrolimex.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC giữa niên độ đã được soát xét năm 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☑ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☑ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☑ Không

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Có ☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2026 tại đường dẫn: www.penjico.petrolimex.com.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026: không có

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

M.S.D.N.: 0302536580 - C.T.C.P. ★ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III PETROLIMEX ★ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giám Đốc
Võ Văn Huy

Tài liệu đính kèm:
- BCTC giữa niên độ đã soát xét năm 2026
- Văn bản giải trình

CÔNG TY CP
XÂY LẮP III PETROLIMEX

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 206/XL3-TCKT

TP.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CP XÂY LẮP III PETROLIMEX
2. Mã chứng khoán: PEN
3. Địa chỉ trụ sở chính: 2286 Huỳnh Tấn Phát, Ấp 38, Xã Nhà Bè, TPHCM
4. Điện thoại: 028 39404602 Fax : 028 39404606
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ông VÕ VĂN HUY
6. Nội dung của thông tin công bố: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2026 giảm từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước và chuyển từ lãi năm trước sang lỗ năm nay.

ĐVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1	**Tổng doanh thu**	**141.287**	**107.516**	**33.771**	**31,4%**
1.1	DT bán hàng	141.019	106.668		
1.2	DT hoạt động tài chính	121	727		
1.3	Thu nhập khác	147	121		
2	**Tổng chi phí SXKD**	**145.282**	**106.570**	**38.712**	**36,3%**
2.1	Giá vốn bán hàng	127.586	93.966		
2.2	Chi phí tài chính	7.074	3.698		
2.3	Chi phí khác	501	586		
2.4	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	10.121	8.320		
3	**Lợi nhuận trước thuế**	**-3.995**	**946**	**-4.941**	
4	**Lợi nhuận sau thuế**	**-3.995**	**946**	**-4.941**	

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2026 của công ty lỗ 3.995 triệu đồng, biến động giảm từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2025; Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí tài chính tăng 3.376 triệu đồng; chi phí bán hàng và quản lý tăng 1.801 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : www.penjico.petrolimex.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT-HĐQT-TCKT

M.S.D.N: 0302536580 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giám Đốc
Võ Văn Huy